

Số: 173 /BC-SCT

Quảng Trị, ngày 24 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
THÁNG 02 NĂM 2017

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 02/2017 giảm 2,52% so với tháng trước; Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng giảm 9,21%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,83%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí giảm 6,46%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 14,21% so với tháng trước.

Tuy nhiên so với tháng cùng kỳ năm trước, chỉ số IIP lại tăng cao 31,47%¹, (do tháng cùng kỳ năm trước trùng với dịp Tết Nguyên đán, hoạt động sản xuất công nghiệp có sự gián đoạn).

Tính chung 2 tháng đầu năm 2017, chỉ số sản xuất công nghiệp đạt mức tăng khá (14,17%) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 16,14%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 19,77%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,52%. Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 13,85% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Trong tháng 2/2017, một số sản phẩm công nghiệp có mức tăng trưởng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Ván ép tăng 206,03%; lốp xe các loại tăng 78,49%; điện sản xuất tăng 63,48%; tấm lợp Phibro xi măng tăng 57,4%; tinh bột sắn tăng 46,63%; nước hoa quả, cam táo tăng 44,51%; Phân hóa học tăng 41,78%; đá xây dựng tăng 13,88%. Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Bia dạng lon tăng 4,78%; nước máy tăng 11,86%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm chững lại và giảm như: Quặng zircon giảm 20%; điện thương phẩm giảm 14,29%; sấm xe máy, xe đạp giảm 13,02%; dầu thông giảm 6,67% so với cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại

Bước sang tháng 2/2017, các hoạt động kinh doanh thương mại sau dịp Tết Nguyên Đán có xu hướng chững lại do nhu cầu mua sắm của người dân giảm (chủ yếu tập trung vào cuối tháng một). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch

¹ Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước có mức tăng cao lần lượt là 34,44% và 31,37%; Ngành công nghiệp khai khoáng và cung cấp nước, xử lý nước thải, rác thải có mức tăng ổn định lần lượt là 10,18% và 10,89%.

vụ tháng 02/2017 ước đạt 2018,64 tỷ đồng, giảm 12,88% so với tháng trước và giảm 2,93% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 1.733,69 tỷ đồng, giảm 14,39% so với tháng trước và giảm 2,95% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 103,64 tỷ đồng, giảm 0,48%; khu vực kinh tế cá thể ước đạt 1.030,83 tỷ đồng, giảm 2,85%; kinh tế tư nhân ước đạt 599,13 tỷ đồng, giảm 3,53% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 284,95 tỷ đồng, giảm 2,38% so với tháng trước và giảm 2,83% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo ngành kinh tế: Ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 200,41 tỷ đồng, giảm 2,89%; lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 0,8 tỷ đồng, tăng 3,02%; dịch vụ khác ước đạt 83,74 tỷ đồng, giảm 2,75% so với cùng kỳ năm trước.

Cộng dồn hai tháng đầu năm 2017, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 4.335,59 tỷ đồng, tăng 11,21% so với cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Phối hợp đề xuất các nội dung liên quan phục vụ xây dựng Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của tỉnh; Tham mưu UBND tỉnh chuẩn bị nội dung làm việc với Bộ Công Thương về hỗ trợ EGATi triển khai dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1.

- Triển khai thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh đến năm 2020; Tham mưu UBND tỉnh Thông báo ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Quân Chính tại cuộc họp thẩm định Đề án Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

- Triển khai thực hiện Thông tư số 43/2016/TT-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công Thương quy định về cam kết phát triển dự án và cơ chế xử lý các dự án nhà máy điện không thực hiện đúng tiến độ cam kết; Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản;

- Chỉ đạo kiểm tra các đề án khuyến công của tỉnh 2017; Đôn đốc triển khai đề án khuyến công quốc gia năm 2017; Xây dựng phương án lộ trình thu phí sử dụng hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chuẩn bị nội dung, làm việc về phương án cấp điện cho huyện đảo Côn Cỏ; Đề xuất vốn đầu tư kế hoạch năm 2017 thuộc Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014 – 2020; Giải quyết các vướng mắc trong quá trình giải phóng mặt bằng hạng mục cấp điện nông thôn tại xã Hải Phúc huyện ĐaKrông.

- Chỉ đạo tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017, đặc biệt là việc đấu tranh chống sản xuất kinh doanh, vận chuyển, tàng trữ trái phép pháo nổ, ma túy, thuốc lá điều nhập lậu. Bên cạnh đó, chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường tăng cường công

tác kiểm tra, kiểm soát hiện tượng giá LPG tăng bất thường theo yêu cầu của và Bộ Công Thương và UBND tỉnh.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch tổ chức Lễ mít tinh hưởng ứng Ngày Quyền lợi của người tiêu dùng Việt Nam năm 2017; Phối hợp các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh các hoạt động hưởng ứng Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam năm 2017.

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Hướng dẫn thực hiện Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công Thương.

- Phối hợp Viện MêKông tổ chức Hội thảo "Cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thuộc các tỉnh trên EWEC và xúc tiến thương mại điện tử"; Chuẩn bị nội dung tổ chức Phiên đối thoại thúc đẩy thương mại qua biên giới (lần 2) giữa tỉnh Quảng Trị và tỉnh Savannakhet, CHDCND Lào; Phối hợp đề xuất một số nội dung về hợp tác 3 tỉnh 3 nước năm 2017.

- Tổ chức Hội nghị thẩm định các đề án xúc tiến thương mại tỉnh năm 2017; Trình UBND tỉnh phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại năm 2017. Xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung thuộc Chương trình phát triển thương mại điện tử tỉnh năm 2017.

- Ban hành Kế hoạch phòng chống tham nhũng năm 2017 của Sở; Báo cáo giải quyết, giải trình ý kiến, kiến nghị của cử tri sau kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV theo yêu cầu của UBND tỉnh.

- Hoàn chỉnh hồ sơ đánh giá, phân loại cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định, tổng hợp.

- Ban hành và triển khai Kế hoạch rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch cán bộ của Sở giai đoạn 2015- 2020; Xây dựng Quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch cải cách hành chính; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017; Kế hoạch về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính tại cơ quan Sở và đơn vị trực thuộc theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đề xuất điều chỉnh, bổ sung Chương trình công tác trọng tâm của Sở năm 2017 theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh; Báo cáo đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh các nhiệm vụ Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ của tỉnh.

- Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017 của Ban chỉ đạo 389/ĐP, Ban chỉ đạo Bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp tỉnh; Chuẩn bị nội dung báo cáo tổng kết công tác năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017 của Ban chỉ đạo còn lại.

III. Những tồn tại, khó khăn và nguyên nhân

- Căn cứ Cơ chế thỏa thuận phối hợp thực hiện công tác thống kê giữa Bộ Công Thương và Tổng Cục Thống kê ngày 28 tháng 12 năm 2012; Theo đó, định kỳ ngày 18 hàng tháng, Cục Thống kê các tỉnh, thành phố cung cấp, chia sẻ số liệu thống kê đối với Sở Công Thương, trong đó có chỉ tiêu chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

đề Sở Công Thương báo cáo Bộ Công Thương và các ngành liên quan theo định kỳ ngày 22 hàng tháng (Quyết định số 41/2016/TT-BCT ngày 30/12/2016 về quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); Tuy nhiên, theo Quyết định số 647/QĐ-TCTK ngày 20/9/2016 của Tổng cục Thống kê thì hiện nay Cục Thống kê các tỉnh, thành phố chỉ được công bố Chỉ số giá tiêu dùng sau khi được Tổng cục Thống kê chấp thuận (vào định kỳ ngày 24 hàng tháng). Do vậy, Sở Công Thương Quảng Trị gặp khó khăn khi báo cáo các chỉ tiêu này theo yêu cầu của UBND tỉnh và Bộ Công Thương.

- Ngày 30/12/2016, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 41/2016/TT-BCT về quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Sở Công Thương các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương, trong đó, quy định chế độ báo cáo định kỳ (hàng tháng) đối với chỉ tiêu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Biểu số 06/SCT-BCT) và trước đây Sở Công Thương các tỉnh vẫn triển khai thực hiện. Tuy nhiên, theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã không có quy định chỉ tiêu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa nên Cục Thống kê Quảng Trị không có căn cứ pháp lý để thu thập số liệu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước. Do đó, Sở Công Thương Quảng Trị không thể báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh chỉ tiêu trên theo định kỳ.

- Ngày 19/01/2017, Sở Kế hoạch Đầu tư có Thông báo số 23/TB-SKH-TH về việc giao chỉ tiêu hướng dẫn kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2017; Trong đó, có hai chỉ tiêu về sản phẩm công nghiệp chủ yếu năm 2017 vẫn chưa hợp lý, cụ thể:

+ Tinh bột sắn: 25 ngàn tấn là quá thấp so tình hình thực tế. **Lý do:** Theo số liệu Báo cáo số 203/BC-UBND ngày 16/11/2016 của UBND tỉnh, sản lượng tinh bột sắn là 89,9 ngàn tấn (cao gấp 3,6 lần so với số kế hoạch năm 2017).

+ Gạch nung (gạch xây dựng): 192 triệu viên là quá cao. **Lý do:** Theo Nghị quyết số 21/HĐND ngày 14/12/2016 HĐND tỉnh có nêu: “Quản lý, bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường”. Với phương hướng phát triển ngành: Ưu tiên nguồn lực phát triển công nghiệp bền vững; vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, bảo vệ môi trường. Khuyến khích phát triển gạch không nung trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, theo Quyết định 1934/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng không nung trên địa bàn tỉnh đến 2020, thì gạch nung đến 2015: 118 triệu viên đến 2020 giảm xuống còn 112 triệu viên, do đó việc đưa ra con số 190 triệu viên là không phù hợp.

IV. Một số công tác trọng tâm tháng 3 năm 2017

- Chuẩn bị nội dung, làm việc với Đoàn Giám sát Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình thực hiện Chương trình hành động số 52-CTHĐ/TU ngày 13/11/2012 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020.

- Tham mưu xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy “Về đẩy mạnh khai thác tiềm năng, lợi thế tỉnh Quảng Trị trong hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế trong tình hình mới” gắn với thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của BCH Trung ương Đảng khóa XII.

- Chuẩn bị nội dung, làm việc với Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện bình ổn giá trước, trong và sau Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017; Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Lễ Mit tinh hưởng ứng Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam năm 2017.

- Hoàn thiện và báo cáo Thường trực tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và trình Bộ Xây dựng thỏa thuận về Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc khu Đông Nam. Hoàn thành Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2025 (Hợp phần 1) báo cáo UBND tỉnh.

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); chỉ số cải cách hành chính (Par Index) và chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2017; Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Chuẩn bị nội dung, tổ chức tổng kết công tác năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017 của các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thường trực còn lại. Chuẩn bị nội dung làm việc với các huyện, thị xã, thành phố về triển khai nhiệm vụ kế hoạch phát triển công nghiệp - thương mại năm 2017.

- Triển khai rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại của tỉnh đến năm 2020, định hướng cho các năm tiếp theo. Triển khai kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, đề xuất UBND tỉnh về phương án, lộ trình thu phí sử dụng hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Tham mưu UBND tỉnh đánh giá tình hình và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoàn thiện kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

- Triển khai lập Quy hoạch phát triển điện mặt trời tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020; Tiếp tục thực hiện Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020.

- Triển khai Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với việc thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” năm 2017 theo Quyết định số 74/QĐ-BCT ngày 16/02/2017; Đề xuất biện pháp bình ổn giá đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi theo Quyết định số 122/QĐ-BCT ngày 16/01/2017 của Bộ Công Thương.

- Hoàn chỉnh và tổ chức lấy ý kiến dự thảo Quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

- Báo cáo kết quả Hội nghị đối thoại thúc đẩy thương mại qua biên giới (lần 2) giữa tỉnh Quảng Trị và tỉnh Savannakhet, CHDCND Lào và triển khai thực hiện; Tổ chức rà soát doanh nghiệp năm 2017.

- Kiện toàn Ban Hội nhập quốc tế về kinh tế tỉnh; Triển khai các nội dung liên quan thuộc Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia và của tỉnh năm 2017; Giám sát thực hiện Đề án tổ chức Hội chợ thương mại huyện Triệu Phong năm 2017.

- Đôn đốc thực hiện giải quyết phân ánh các nội dung thuộc thẩm quyền theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 439/UBND-NN ngày 15/02/2017 về báo cáo giải quyết, giải trình ý kiến, kiến nghị của cử tại Kỳ họp thứ 3, Khóa VII.

- Hoàn thành công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2015-2020; Xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025; Ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI) giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2017 của Sở.

- Hoàn chỉnh, ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các phòng thuộc Sở theo Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh.

V. Đề xuất, kiến nghị

- Đề tạo điều kiện Sở Công Thương các tỉnh, thành phố thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định, kính đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu điều chỉnh chỉ tiêu xuất khẩu, nhập khẩu và thời gian cung cấp chỉ số giá tiêu dùng trong Quy định chế độ báo cáo thông kê áp dụng đối với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố.

- Kính đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo Sở Công Thương xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy “Về đẩy mạnh khai thác tiềm năng, lợi thế tỉnh Quảng Trị trong hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế trong tình hình mới” gắn với thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của BCH Trung ương Đảng khóa XII; Chỉ đạo hoàn thành và trình Bộ Xây dựng thỏa thuận về Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc khu Đông Nam; Đảm bảo về kinh phí thực hiện công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh năm 2017 và tổ chức Lễ mít tinh hưởng ứng Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam năm 2017; Đề nghị Sở Kế hoạch Đầu tư rà soát, điều chỉnh một số chỉ tiêu về phát triển công nghiệp; một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu liên quan như: Gạch nung, tinh bột sắn, bia,...) phù hợp hơn.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 02 năm 2017 và triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 3 năm 2017; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

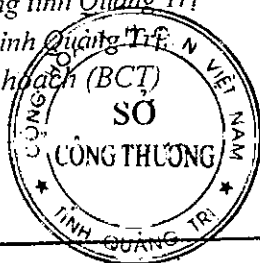
- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh ủy; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. ✓

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Hưng

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị
- Vụ Kế hoạch (BCT)
BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 02 năm 2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng zircon	Tấn	213,19	219,78	432,97	274,73	680,22	103,09%	80,00%	63,65%
2	Đá xây dựng	m ³	66520	64000	130520	56200	118100	96,21%	113,88%	110,52%
3	Tinh bột sắn	Tấn	11020,75	11320,75	22341,51	7720,75	17532,08	102,72%	146,63%	127,43%
4	Bia dạng lon	1000 lít	791,83	970	1762	926	1807	122,50%	104,78%	97,50%
5	Nước hoa quả (nước tăng lực)	1000 lít	909,0	720	1629	498	1858	79,21%	144,51%	87,66%
6	Ván ép (gỗ MDF)	m ³	15019	17000	32019	5555	12261	113,19%	306,03%	261,15%
7	Dầu thông	Tấn	92,16	70	162	75	175	75,95%	93,33%	92,66%
8	Phân hóa học	Tấn	2825	3000	5825	2116	6236	106,19%	141,78%	93,41%
9	Lốp xe máy, xe đạp	1000 cái	104,59	120	225	67,23	257,23	114,73%	178,49%	87,31%
10	Săm xe máy, xe đạp	1000 cái	232,80	250	483	287,41	537,41	107,39%	86,98%	89,84%
11	Tấm lọc pro xi măng	1000 m ²	291	370	662	235	587	127,08%	157,40%	112,72%
12	Điện sản xuất	Triệu Kwh	33,16	31,98	65,14	19,56	48,68	96,42%	163,48%	133,81%
13	Điện Thương phẩm	Triệu Kwh	41,75	42,00	83,75	49,00	87,00	100,60%	85,71%	96,26%
14	Nước máy	1000 m ³	996,80	850,00	1846,80	759,85	1694,85	85,27%	111,86%	108,97%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2316,96	2018,64	4335,59	2079,61	3898,56	87,12%	97,07%	111,21%
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	2025,07	1733,69	3758,76	1786,36	3383,42	85,61%	97,05%	111,09%
	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ đồng								
1,1	Kinh tế Nhà nước	"	119,40	103,64	223,04	104,14	165,51	86,80%	99,52%	134,76%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
1,2	Kinh tế Tập thể	"	0,08	0,09	0,17	0,09	0,15	106,25%	91,40%	107,84%
1,3	Kinh tế Cá thể	"	1202,87	1030,83	2233,71	1061,07	2019,44	85,70%	97,15%	110,61%
1,4	Kinh tế Tư nhân	"	702,72	599,13	1301,84	621,05	1198,31	85,26%	96,47%	108,64%
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		291,89	284,95	576,83	293,25	515,14	97,62%	97,17%	111,98%
2,1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	203,79	201,21	405,00	207,14	357,86	98,74%	97,14%	113,17%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		203,29	200,41	403,69	206,36	356,60	98,58%	97,11%	113,21%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0,50	0,80	1,30	0,78	1,27	160,66%	103,02%	102,62%
2,2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	88,10	83,74	171,84	86,10	157,27	95,05%	97,25%	109,26%



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Tháng 02/2017

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 01/2017		Tháng 02/2017			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02/2017 so với tháng 02/2016
	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 01 năm 2016	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 01/2017	So với tháng 02/2016	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	187,65	101,66	187,85	97,48	131,47	114,17
1. Công nghiệp khai khoáng	36,64	72,34	32,68	90,79	110,18	86,15
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	220,28	103,14	222,82	99,17	134,44	116,40
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	73,93	110,48	66,57	93,54	131,37	119,77
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	146,56	106,57	125,73	85,79	110,89	108,52